



Kỷ yếu

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA NĂM 2016 “PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG TÂY NGUYÊN”

(Conference on Socio - Economic development in the central Highlands)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

ĐẦY TÂY NGUYÊN CÁT CÁNH

Nguyễn Cảnh Nam, Nguyễn Thị Hoài Nga

- | | | |
|----|---|---------|
| 27 | NHỮNG THÁCH THỨC TRONG BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CHỖ Ở TÂY NGUYÊN HIỆN NAY
Nguyễn Huy Phòng | 207-211 |
| 28 | GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CAO SU Ở TÂY NGUYÊN
Nguyễn Thị Thúy Hạnh | 212-219 |
| 29 | THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO TÂY NGUYÊN GẮN VỚI VIỆC HỘI NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN (AEC)
Nguyễn Thanh Vân, Nguyễn Thị Phương Nhung | 220-226 |
| 30 | MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẦY MẠNH LIÊN KẾT KINH TẾ VÙNG TÂY NGUYÊN
Trần Kim Anh | 227-232 |
| 31 | MỐI QUAN HỆ GIỮA CHI TIÊU CÔNG VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP VÙNG TÂY NGUYÊN
Phan Thị Quốc Hương, Lê Việt An | 233-240 |
| 32 | THỰC TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở TÂY NGUYÊN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA
Lương Hữu Nam | 241-245 |
| 33 | NGUỒN NHÂN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN
Nguyễn Hữu Lợi | 246-252 |
| 34 | VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TÂY NGUYÊN
Linh Nga Niê Kdăm | 253-258 |
| 35 | BẢO TỒN GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CHỖ VÙNG TÂY NGUYÊN: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ KIẾN NGHỊ
Phạm Ngọc Hòa | 259-265 |
| 36 | NGHIÊN CỨU VỀ NGUỒN VỐN NHÂN LỰC TRONG HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH NGHÈO LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG
Đào Hữu Hòa, Phạm Quang Tín, Ông Nguyễn Chương | 266-276 |
| 37 | GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CHO CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN GỖ KHU VỰC TÂY NGUYÊN
Lê Thị Thê Bửu | 277-284 |
| 38 | BẢO TỒN VĂN HÓA TỘC NGƯỜI HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở TÂY NGUYÊN
Nguyễn Thị Hoàn | 285-289 |
| 39 | THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TỈNH KON TUM
Nguyễn Thị Hà Thanh | 290-296 |
| 40 | VAI TRÒ CỦA THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG | 297-301 |

NGUỒN NHÂN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở TÂY NGUYÊN

ThS. Nguyễn Hữu Lợi
Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế
nguyenuuoi@hce.edu.vn

TÓM TẮT— Bài báo này phân tích thực trạng nguồn nhân lực của các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên. Các tiêu chí được phân tích như dân số, mật độ dân số, tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động, phân chia theo giới tính, khu vực địa lý, trình độ chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm... trong giai đoạn 2011-2015 dựa trên các số liệu công bố của Tổng cục Thống kê. Trên cơ sở đó, đề xuất nhóm các giải pháp cơ bản nhằm phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên đến năm 2020.

Từ khóa—Nguồn nhân lực, lao động, phát triển kinh tế - xã hội, Tây Nguyên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn kiện Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định ba khâu đột phá chiến lược, trong đó có vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: “*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ*” [1]

Tây Nguyên là vùng có vị trí đặc biệt quan trọng cả về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng. Với một vùng kinh tế có nhiều đặc thù về địa hình, điều kiện tự nhiên, dân số và các vấn đề văn hóa, lịch sử thì vấn đề huy động, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực là điều kiện thiết yếu để tăng trưởng kinh tế đồng thời giải quyết các vấn đề xã hội. Vấn đề phát triển nguồn nhân lực ở Tây Nguyên đã được quan tâm, đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, bắt cấp đòi hỏi phải có những giải pháp kịp thời, đồng bộ.

2. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng phát triển nguồn nhân lực Tây Nguyên giai đoạn 2011-2015

Vùng Tây Nguyên là khu vực cao nguyên bao gồm 5 tỉnh, xếp theo thứ tự vị trí địa lý từ bắc xuống nam gồm Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng. Về mặt địa lý, phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận; phía nam giáp các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước; phía tây giáp với các tỉnh Attapeu của Lào và Ratanakiri và Mondulakiri của Campuchia.

Theo số liệu Niên giám Thống kê năm 2015, diện tích tự nhiên của Tây Nguyên là 54.641 km², chiếm 16,51% diện tích cả nước, với dân số là 5.607,9 nghìn người, là một trong bảy vùng kinh tế - sinh thái của nước ta hiện nay. Toàn vùng có 61 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 5 thành phố (Buôn Ma Thuột, Pleiku, Đà Lạt, Kon Tum, Bảo Lộc), 4 thị xã (An Khê, Ayun Pa, Buôn Hồ, Gia Nghĩa) và 52 huyện.

* Về dân số và mật độ dân số

Bảng 1. Diện tích, dân số và mật độ dân số vùng Tây Nguyên năm 2015

Tỉnh	Diện tích (km ²)	Dân số (Nghìn người)	Mật số DS (Người/km ²)
Kon Tum	9.689,6	495,9	51
Gia Lai	15.536,9	1.397,4	90
Đắk Lắk	13.125,4	1.853,7	141
Đắk Nông	6.515,6	587,8	90
Lâm Đồng	9.773,5	1.273,1	130
Tây Nguyên	54.641,0	5.607,9	103
Cả nước	330.966,9	91.713,3	277

Nguồn: Niên giám Thống kê 2015, Tổng cục Thống kê, trang 86

Nhìn vào bảng số liệu 1, có thể thấy dân số trung bình năm 2015 của toàn Tây Nguyên là 5607,9 nghìn người, chiếm khoảng 6,12% dân số cả nước. Mật độ dân số khá thưa thớt, đạt bình quân 103